

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ KATOK VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ KATOK VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KATOK VIETNAM TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KATOK VNT., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109744462

**3. Ngày thành lập:** 10/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 7 Toà nhà Zen Tower số 12 Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0879.811.666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>Trừ đấu giá                                                                                                                                       | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                          | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                           | 4652     |
| 4.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Không bao gồm dược phẩm, dụng cụ y tế.                                                                                                                            | 4772     |
| 5.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.<br>Trừ đấu giá                                                                             | 4791     |
| 6.  | Xuất bản phần mềm<br>Chi tiết:<br>Nhóm này gồm:<br>- Xuất bản các phần mềm làm sẵn (không định dạng) như: Hệ thống điều hành; kinh doanh và các ứng dụng khác; chương trình trò chơi máy vi tính.<br>- Xuất bản và phát hành các trò chơi điện tử trực tuyến | 5820     |
| 7.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Trừ chương trình truyền hình.                                                                                                                                                    | 5911     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Trừ chương trình truyền hình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5913        |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6201(Chính) |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6202        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6209        |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311        |
| 13. | Cổng thông tin<br>Chi tiết:<br>- Điều hành các website, cổng internet<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6312        |
| 14. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;                                                                                                                                                                                                                               | 6399        |
| 15. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6619        |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản.<br>(Điều 62, Điều 69 của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)                                                                                                                                                                                  | 6820        |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7020        |
| 18. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7214        |
| 19. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310        |
| 20. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết:<br>Nhóm này gồm: Hoạt động của các cơ quan chủ yếu thực hiện việc bán các sản phẩm du lịch, tua du lịch, dịch vụ vận tải và lưu trú cho khách du lịch                                                                                                                                                                                                                              | 7911        |
| 21. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động thu xếp, kết nối các tua đã được bán thông qua các đại lý du lịch hoặc trực tiếp bởi điều hành tua. Các tua du lịch có thể bao gồm một phần hoặc toàn bộ các nội dung: vận tải, dịch vụ lưu trú, ăn, tham quan các điểm du lịch như bảo tàng, di tích lịch sử, di sản văn hóa, nhà hát, ca nhạc hoặc các sự kiện thể thao.<br>- Hoạt động hướng dẫn du lịch. | 7912        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 22. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                            | 7990                                                                |
| 23. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                      | 8230                                                                |
| 24. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                                                                      | 9631                                                                |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)                                                                             | 8299                                                                |
| 26. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                        | 8560                                                                |
| 27. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                                | 9000                                                                |
| 28. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                  | 9321                                                                |
| 29. | Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 600.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM THỊ LAN PHƯƠNG | số 88, Hà Trì 1, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 180.000    | 1.800.000.000         | 30,000    | C1358149                                                                                    |         |
|     |                     |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                          | Tổng số                   | 180.000    | 1.800.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |
|---|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 2 | NGUYỄN<br>TIẾN DŨNG | 55 Cửu Long,<br>Phường 2, Quận<br>Tân Bình, Thành<br>phố Hồ Chí Minh,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000  | 600.000.000   | 10,000 | N2282532         |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Tổng số                            | 60.000  | 600.000.000   | 10,000 |                  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |
| 3 | NGUYỄN<br>HỮU QUỐC  | thôn Ngân Điền,<br>Xã Sơn Hà,<br>Huyện Sơn Hoà,<br>Tỉnh Phú Yên,<br>Việt Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000  | 600.000.000   | 10,000 | 221300844        |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Tổng số                            | 60.000  | 600.000.000   | 10,000 |                  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |
| 4 | LÊ NGỌC<br>THỊNH    | Đông Hưng, Xã<br>Tế Nông, Huyện<br>Nông Công, Tỉnh<br>Thanh Hoá, Việt<br>Nam      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 240.000 | 2.400.000.000 | 40,000 | 0380900245<br>25 |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                   | Tổng số                            | 240.000 | 2.400.000.000 | 40,000 |                  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |
|   |                     |                                                                                   |                                    |         |               |        |                  |

|   |                |                                                                          |                           |        |             |        |           |
|---|----------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|
| 5 | HOÀNG THỊ THẢO | Thôn Mau Giáp, Xã Trung Chính, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000 | 600.000.000 | 10,000 | 173251411 |
|   |                |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                |                                                                          | Tổng số                   | 60.000 | 600.000.000 | 10,000 |           |
|   |                |                                                                          |                           |        |             |        |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ NGỌC THỊNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 03/04/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038090024525

Ngày cấp: 15/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đông Hưng, Xã Tế Nông, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P412 Tòa N6C KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội